



Ký bởi: Bộ Công Thương
 Cơ quan: Bộ Công Thương
 Thời gian ký: 04.08.2020 15:34:34 +07:00

BỘ CÔNG THƯƠNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5 6 6 2 /BCT-HC

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2020

V/v Thông báo về việc bổ sung Hóa chất Bảng 1 vào Công ước CWC

UBND. TỈNH KHÁNH HÒA	
ĐẾN	Số:.....A355.....
	Ngày:.....04/8.....
Chuyển:.....	

Kính gửi:

- Các Bộ: Quốc phòng, Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Việt Nam ký Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học (Công ước CWC) vào năm 1993 và phê chuẩn Công ước vào năm 1998. Các quy định của Công ước được nội luật hóa tại Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.

Điều 18 Nghị định số 38/2014/NĐ-CP quy định tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu dùng, tàng trữ hóa chất Bảng 1 phải khai báo với Bộ Công Thương để thông báo đến Tổ chức Cấm vũ khí hóa học (OPCW) theo Điều III và Phụ lục Kiểm chứng của Công ước CWC.

Tại Quyết định số C-24/DEC.4 và C-24/DEC.5 vào tháng 11 năm 2019, Hội nghị quốc gia thành viên lần thứ 24 của Công ước CWC quyết định bổ sung thêm 04 dòng hóa chất vào Danh mục hóa chất Bảng 1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 07 tháng 6 năm 2020 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Với vai trò là Thường trực Cơ quan quốc gia thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học, Bộ Công Thương đề nghị Quý Cơ quan thông báo đến các tổ chức, cá nhân có hoạt động hóa chất thuộc phạm vi/địa bàn quản lý. Trong trường hợp có hoạt động liên quan đến các hóa chất mới được bổ sung vào danh mục Hóa chất Bảng 1, đề nghị khai báo ngay cho Bộ Công Thương theo quy định.

Thông tin phản hồi xin gửi về Bộ Công Thương (Cục Hóa chất, 21 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội; điện thoại 22205136; email: ThangLV@moit.gov.vn) trước ngày 31 tháng 8 năm 2020 để kịp thời thông báo đến OPCW.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Ngoại giao;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Hà Lan;
- Lưu: VT, HC.



Đặng Hoàng An

Phụ lục
DANH MỤC HÓA CHẤT BỔ SUNG VÀO DANH MỤC HÓA CHẤT BẢNG 1
(Kèm theo Công văn số 6/BCT-HC
ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Bộ Công Thương)

Những hóa chất Bảng dưới đây là những chất chính (cơ chất), còn các dẫn xuất của chúng được Tổ chức Công ước liệt kê trong Sổ tay Hóa chất hoặc trên Cơ sở dữ liệu của Tổ chức Công ước (<https://apps.opcw.org/CAS/default.aspx>).

TT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
A	Các hóa chất độc		
1	P-Alkyl (H hoặc $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N-(1-(dialkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả Cycloalkyl) amino)) alkylidene (H hoặc $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) phosphoramidic fluorides và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: N-(1-(di-n-decylamino)-n-decylidene)- P-decylphosphoramidic fluoride Methyl-(1-(diethylamino)ethylidene) phosphoramidofluoridate	2387495-99-8 2387496-12-8	
2	O-alkyl (H hoặc $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) N-(1-(dialkyl ($\leq C_{10}$, gồm cả Cycloalkyl) amino)) alkylidene (H hoặc $\leq C_{10}$, gồm cả cycloalkyl) phosphoramidofluoridates và các muối alkyl hóa hoặc proton hóa tương ứng. Ví dụ: O-n-decyl N-(1-(di-n-decylamino)-n-decylidene) phosphoramidofluoridate Methyl (1-(diethylamino)ethylidene) phosphoramidofluoridate Ethyl (1-(diethylamino)ethylidene) phosphoramidofluoridate	2387496-00-4 2387496-04-8 2387496-06-0	
3	Methyl-(bis(diethylamino)methylene) phosphoramidofluoridate	2387496-14-0	
4	Carbamate (bậc bốn và bậc hai của dimethylcarbamoyloxy pyridines) Bậc 4 của dimethylcarbamoyloxy pyridines: 1-[N,N-dialkyl($\leq C_{10}$)-N-(n-(hydroxyl, cyano, acetoxy)alkyl($\leq C_{10}$)) ammonio]-n-[N-(3-dimethylcarbamoyloxy- α -picolinyl)-N,N-dialkyl($\leq C_{10}$) ammonio]decane dibromide (n=1-8) Ví dụ: 1-[N,N-dimethyl-N-(2-hydroxy)ethylammonio] - 10-[N-(3-dimethylcarbamoyloxy- α -picolinyl)-N,N-dimethylammonio]decane dibromide	77104-62-2	

TT	Tên hóa chất	Số CAS	Mã số HS
	Bạc 2 của dimethylcarbamoxyloxyridines: 1,n-Bis[N-(3-dimethylcarbamoxy- α -picolyl)-N,N-dialkyl(\leq C10) ammonio]-alkane-(2,(n-1)-dione) dibromide (n=2-12) Ví dụ: 1,10-Bis[N-(3-dimethylcarbamoxy- α -picolyl)-N-ethyl-N-methylammonio]decane-2,9-dione dibromide	77104-00-8	